NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2025/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân dưới các hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập.

2. Hồ sơ, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là Giấy phép).

3. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).

4. Quỹ tín dụng nhân dân đã bị thu hồi Giấy phép trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành thuộc trường hợp giải thể theo quy định tại Điều 202

Luật Các tổ chức tín dụng thì thực hiện giải thể, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định tại Thông tư này (trừ quy định về thu hồi Giấy phép) và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Quỹ tín dụng nhân dân không phát sinh hoạt động ngân hàng trong thời gian 12 tháng liên tục trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành thuộc trường hợp giải thể theo quy định tại Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng thì thực hiện giải thể, thanh lý tài sản theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, quy định tại Thông tư này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức lại, thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chia quỹ tín dụng nhân dân là việc một quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân bị chia) chia toàn bộ thành viên, tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp để thành lập hai quỹ tín dụng nhân dân mới trở lên, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của quỹ tín dụng nhân dân bị chia.

2. Tách quỹ tín dụng nhân dân là việc một quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân bị tách) tách một phần thành viên, tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp để thành lập một hoặc một số quỹ tín dụng nhân dân mới mà không chấm dứt sự tồn tại của quỹ tín dụng nhân dân bị tách.

3. Hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân là việc hai quỹ tín dụng nhân dân trở lên (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất) hợp nhất toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp để thành lập một quỹ tín dụng nhân dân mới (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của các quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất.

4. Sáp nhập quỹ tín dụng nhân dân là việc một hoặc một số quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập) chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang một quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập), đồng thời chấm dứt sự tồn tại của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập.

5. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại bao gồm quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập và quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập.

6. Quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới là quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện chia, tách, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân.

7. Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại bao gồm quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập và quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới.

8. Cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên là cuộc họp bao gồm thành viên góp vốn của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc, có nhiệm vụ thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, bầu chức danh Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên và quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, thu hồi Giấy phép, giám sát thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân

1. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính chấp thuận tổ chức lại, quyết định thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước Khu vực) giám sát quá trình thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

Điều 5. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

1. Văn bản đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại ký; văn bản đề nghị giải thể quỹ tín dụng nhân dân do người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân ký. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại, người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân ủy quyền cho người khác ký, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt.

3. Trường hợp các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ là bản sao mà không phải là bản sao được chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì khi nộp hồ sơ phải xuất trình

bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

4. Hồ sơ được gửi bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc qua Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có). Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc qua Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước, hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng Dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

Chương II
TỔ CHỨC LẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

1. Tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện trên cơ sở Phương án tổ chức lại, phương án sáp nhập, hợp nhất được Ngân hàng Nhà nước Khu vực phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục của quỹ tín dụng nhân dân; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên quỹ tín dụng nhân dân, khách hàng trong quá trình tổ chức lại.

4. Việc chuyển nhượng, mua bán tài sản trong quá trình tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên, đảm bảo an toàn tài sản và không ảnh hưởng đến quyền lợi của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại, tổ chức và cá nhân liên quan đến việc tổ chức lại.

5. Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại kế thừa quyền và nghĩa vụ của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên.

6. Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất hết hiệu lực khi quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới khai trương hoạt động. Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập hết hiệu lực sau khi văn bản chấp thuận tổ chức lại của Ngân hàng Nhà nước Khu vực có hiệu lực.

Điều 7. Địa bàn, nội dung hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại

1. Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại được thực hiện các hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại nếu đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại, trừ trường hợp sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, được thực hiện như sau:

a) Địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất là một đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi là xã) thuộc địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất. Quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất hoạt động trên các xã khác nhau phải phối hợp xây dựng phương án và lộ trình đảm bảo hoạt động trên địa bàn một xã tại Phương án tổ chức lại. Trong trường hợp này, quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất không được kết nạp thành viên mới, không được cho vay mới, nhận tiền gửi mới tại các xã không phải xã nơi đặt trụ sở chính;

b) Địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới sau khi thực hiện chia, tách quỹ tín dụng nhân dân là một xã thuộc địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân bị chia, tách và phải đảm bảo không trùng với địa bàn hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân khác;

c) Địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập sau khi thực hiện sáp nhập quỹ tín dụng nhân dân bao gồm địa bàn hoạt động hiện tại của quỹ

tín dụng nhân dân nhận sáp nhập. Quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập phải phối hợp xây dựng phương án và lộ trình đảm bảo chấm dứt hoạt động tại các xã thuộc địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập tại Phương án tổ chức lại. Trong trường hợp này, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập không được kết nạp thành viên mới, không được cho vay mới, nhận tiền gửi mới tại các xã phải chấm dứt hoạt động;

d) Địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân bị tách phải đảm bảo không vượt quá địa bàn hoạt động trước khi thực hiện tách quỹ tín dụng nhân dân và không trùng với địa bàn hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân khác. Trường hợp địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân bị tách nhiều hơn một xã, phải là các xã liền kề và chỉ được chấp thuận nếu quỹ tín dụng nhân dân bị tách đáp ứng các điều kiện để được hoạt động liên xã theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quỹ tín dụng nhân dân.

3. Địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân sau khi sáp nhập, hợp nhất với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo phương án sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt được Ngân hàng Nhà nước Khu vực phê duyệt, phải đảm bảo là một xã hoặc các xã liền kề (nếu có) và không vượt quá địa bàn hoạt động của các quỹ tín dụng nhân dân trước khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất.

Mục 2
ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN TỔ CHỨC LẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN, TRỪ TRƯỜNG HỢP SÁP NHẬP, HỢP NHẤT QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 8. Điều kiện tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

1. Có Phương án tổ chức lại khả thi, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ giữa các bên có liên quan, được xây dựng và thông qua theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

2. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại phải có báo cáo tài chính của năm liền kề đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.

3. Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về tỷ lệ góp vốn của thành viên; cơ cấu tổ chức, quản lý; tiêu

chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh (Phòng giao dịch); tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định so với vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động và bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.

4. Đối với trường hợp chia, tách quỹ tín dụng nhân dân, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân bị chia, tách phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có tổng tài sản ở mức trên 500 tỷ đồng tại thời điểm đề nghị hoặc thuộc trường hợp phải xử lý địa bàn hoạt động là các xã không liền kề với xã nơi đặt trụ sở chính theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới có tổng tài sản tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Điều 9. Hội đồng tổ chức lại

1. Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thành lập Hội đồng tổ chức lại để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân.

2. Hội đồng tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại.

3. Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân là:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập; hoặc

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị tách; hoặc

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất được các quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất còn lại ủy quyền làm đại diện thực hiện các công việc liên quan đến việc hợp nhất theo quy định tại Thông tư này. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Hội đồng tổ chức lại có trách nhiệm:

a) Xây dựng Phương án tổ chức lại;

b) Đề nghị Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại triệu tập Đại hội thành viên để thông qua Phương án tổ chức lại và các vấn đề liên quan đến thủ tục tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

c) Đề xuất cơ cấu tổ chức, nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

d) Thay mặt quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thực hiện thủ tục tổ chức lại theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và chính xác của các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại;

đ) Sau khi Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại thay mặt Hội đồng tổ chức lại triệu tập Đại hội thành viên đầu tiên của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới để thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư này.

Điều 10. Công bố thông tin tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

1. Sau khi Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại phải niêm yết tại trụ sở chính, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân; trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; công bố trên đài truyền thanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân (nếu có) trong 07 ngày làm việc các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

b) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước Khu vực về việc chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

c) Vốn điều lệ; nội dung, địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại;

d) Người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

đ) Thông tin dự kiến về quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại, bao gồm: tên, địa chỉ trụ sở chính, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật, địa bàn hoạt động.

2. Sau khi Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phải niêm yết tại trụ sở chính, phòng giao dịch của

quỹ tín dụng nhân dân; trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; công bố trên đài truyền thanh cấp xã nơi đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân (nếu có) trong 03 ngày liên tiếp và công bố trên một tờ báo in hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc trên một báo điện tử của Việt Nam trong 07 ngày làm việc các thông tin sau (trừ quy định tại điểm e khoản này):

a) Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

b) Số, ngày quyết định của Ngân hàng Nhà nước Khu vực về việc chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

c) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động; số, ngày văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

d) Nội dung, thời hạn và địa bàn hoạt động; vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

đ) Người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

e) Danh sách và tỷ lệ góp vốn tương ứng của từng thành viên tham gia góp vốn tại quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phải được niêm yết tại trụ sở chính, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

g) Ngày dự kiến khai trương hoạt động đối với quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới;

h) Thông tin chính thức về việc chấm dứt tồn tại pháp nhân của quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất, bao gồm:

(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính;

(ii) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động;

(iii) Vốn điều lệ;

(iv) Người đại diện theo pháp luật;

(v) Ngày chấm dứt tồn tại pháp nhân. Ngày chấm dứt tồn tại pháp nhân quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập là ngày văn bản chấp thuận tổ chức lại của Ngân hàng Nhà nước Khu vực có hiệu lực. Ngày chấm dứt tồn tại pháp nhân quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất là ngày khai trương hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới.

3. Các quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất; quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập và quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập được thỏa thuận và thống nhất công bố chung các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phương án tổ chức lại theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

c) Nghị quyết của Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thông qua:

(i) Phương án tổ chức lại;

(ii) Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất đối với trường hợp quỹ tín dụng nhân dân thực hiện sáp nhập, hợp nhất;

(iii) Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới; quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi);

(iv) Dự thảo Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

(v) Các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

d) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới; quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi), trong đó bao gồm: họ và tên, chức danh hiện tại (nếu có) và chức danh dự kiến bầu, bổ nhiệm;

e) Tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của những người dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới; quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi) theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của quỹ tín dụng nhân dân;

g) Dự thảo các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người điều hành;

h) Văn bản ủy quyền theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 Thông tư này;

i) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện sáp nhập, hợp nhất phải nộp hợp đồng sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại điểm c(ii) khoản này được người đại diện theo pháp luật quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất ký.

Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, địa chỉ trụ sở chính của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất; thủ tục sáp nhập, hợp nhất; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, thời hạn thực hiện sáp nhập, hợp nhất;

k) Dự thảo Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thông qua.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại bao gồm:

a) Văn bản của Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại nêu rõ các nội dung thay đổi so với Phương án tổ chức lại đã gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực đề nghị chấp thuận nguyên tắc (nếu có);

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thông qua các nội dung thay đổi tại Phương án tổ chức lại đã gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại (nếu có);

c) Hồ sơ đề nghị chấp thuận những nội dung thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đối với quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

d) Biên bản cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới về việc:

(i) Bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận;

(ii) Các nội dung khác theo quy định phải được các thành viên tham dự cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;

đ) Biên bản cuộc họp Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập về việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận (nếu có thay đổi);

e) Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới về việc bổ nhiệm Giám đốc theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận.

Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập về việc bổ nhiệm Giám đốc theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận (nếu có thay đổi);

g) Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại đã được Đại hội thành viên thông qua;

h) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới quy định tại điểm g khoản 1 Điều này đã được cấp có thẩm quyền quyết định của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới thông qua.

Điều 12. Phương án tổ chức lại

1. Phương án tổ chức lại phải được Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thông qua và được người đại diện theo pháp luật của các quỹ tín dụng nhân dân cùng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm.

2. Phương án tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân tối thiểu phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử (nếu có) của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

b) Lý do tổ chức lại;

c) Tình hình tài chính và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại trong năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ;

d) Giá trị thực của vốn điều lệ, nợ xấu tính đến thời điểm nộp hồ sơ; việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại trong năm liền kề trước thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Lộ trình thực hiện tổ chức lại; phương án và lộ trình xử lý địa bàn hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;

e) Dự kiến về tên, địa bàn hoạt động, địa điểm đặt trụ sở chính và mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động, vốn điều lệ, nội dung hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan;

g) Phương án kinh doanh dự kiến của từng năm trong 03 năm tiếp theo của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại, trong đó tối thiểu phải có mục tiêu, kế hoạch kinh doanh, dự kiến thực hiện quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của từng năm và phân tích, thuyết minh khả năng thực hiện phương án;

h) Biện pháp chuyển đổi hệ thống công nghệ thông tin quản lý, hệ thống truyền dữ liệu, hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ để đảm bảo thông suốt hoạt động trong và sau khi hoàn tất quá trình tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

i) Dự trù chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức lại và nguyên tắc phân bổ chi phí đối với quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

k) Phương án xử lý đối với người lao động làm việc tại quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

l) Đánh giá tác động của việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân và phương án xử lý các tồn tại, yếu kém (nếu có) nhằm đảm bảo hoạt động an toàn và liên tục của quỹ tín dụng nhân dân trong quá trình tổ chức lại;

m) Quyền lợi, nghĩa vụ của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại, các tổ chức và cá nhân có liên quan (nếu có);

n) Nguyên tắc, phương án phân chia tài sản (đối với quỹ tín dụng nhân dân thực hiện chia, tách) trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;

o) Cam kết quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới sau khi chia, tách quỹ tín dụng nhân dân kiểm soát chặt chẽ việc tăng trưởng quy mô tổng tài sản của mình;

p) Danh sách các thành viên tham gia góp vốn tại quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại và danh sách thành viên tham gia góp vốn của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại, có tối thiểu các nội dung sau:

(i) Họ và tên (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính (đối với thành viên là pháp nhân);

(ii) Số định danh cá nhân (đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hộ gia đình); mã số doanh nghiệp hoặc mã số hợp tác xã (đối với thành viên là pháp nhân);

(iii) Số tiền tham gia góp vốn, tỷ lệ góp vốn của từng thành viên;

q) Phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay (nếu có);

r) Việc tổ chức cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên của quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới với điều kiện, thành phần, thể thức họp, cách thức biểu quyết theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư này; việc ủy quyền cho Hội đồng tổ chức lại triệu tập cuộc họp này.

Điều 13. Trình tự chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

1. Chấp thuận nguyên tắc:

a) Hội đồng tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi Hội đồng tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Quỹ tín dụng nhân dân hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm cư trú về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị;

đ) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản:

(i) Chấp thuận nguyên tắc việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Chấp thuận danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới.

Chấp thuận danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi).

Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

3. Chấp thuận tổ chức lại:

a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, Hội đồng tổ chức lại gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Quá thời hạn này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực không nhận được hồ sơ nêu trên thì văn bản chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại hết hiệu lực.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ nêu trên, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi Hội đồng tổ chức lại xác nhận về việc đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Quỹ tín dụng nhân dân hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực:

(i) Có văn bản chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân theo mẫu quy định Phụ lục số 2, Phụ lục số 3, Phụ lục số 4, Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại.

Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày văn bản chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân có hiệu lực:

a) Quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này;

b) Quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới thực hiện khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật. Các quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện chia, tách quỹ tín dụng nhân dân phải thực hiện khai trương cùng thời điểm.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày khai trương hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới có văn bản thông báo đã khai trương hoạt động gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép hết hiệu lực theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất có trách nhiệm nộp lại Giấy phép đã hết hiệu lực cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại hoạt động theo tên mới, quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước Khu vực việc thay đổi thông tin về tên của phòng giao dịch (bao gồm tên, tên viết tắt).

7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được Giấy phép đã hết hiệu lực của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 5 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

a) Thông báo về sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; thông tin về người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập; thông báo về thu hồi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập;

b) Thông báo về cấp Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất kèm theo Giấy phép; thông tin về người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất; thông báo về thu hồi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất;

c) Thông báo về sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân bị tách kèm theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép; thông báo về cấp Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện tách quỹ tín dụng nhân dân kèm theo Giấy phép; thông tin về người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện tách quỹ tín dụng nhân dân;

d) Thông báo về thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân bị chia; thông báo về cấp Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện chia quỹ tín dụng nhân dân kèm theo Giấy phép; thông tin về người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện chia quỹ tín dụng nhân dân;

đ) Thông báo thông tin về thay đổi tên phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại.

Mục 3
SÁP NHẬP, HỢP NHẤT QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN ĐƯỢC KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 14. Sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt

1. Việc sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 175 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 7 Điều 167 của Luật Các tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt phối hợp với quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, hợp nhất thực hiện các công việc sau:

a) Hoàn thành việc xây dựng phương án sáp nhập, hợp nhất với nội dung theo quy định tại Điều 177 Luật Các tổ chức tín dụng gửi Ban kiểm soát đặc biệt. Phương án sáp nhập, hợp nhất phải được cấp có thẩm quyền của quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham

gia hợp nhất thông qua theo quy định của pháp luật và được người đại diện theo pháp luật của các quỹ tín dụng nhân dân thực hiện sáp nhập, hợp nhất cùng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm;

b) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất bao gồm:

(i) Hồ sơ theo quy định tại điểm đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 11 Thông tư này trên cơ sở nội dung phương án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại điểm a khoản này;

(ii) Văn bản của quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất ủy quyền cho quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân đại diện cho các quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất (sau đây gọi là quỹ tín dụng nhân dân đại diện) thực hiện các công việc liên quan đến việc sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập không có thay đổi về nhân sự giữ chức danh Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc, hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập thực hiện theo quy định tại điểm g, i, k khoản 1 Điều 11 Thông tư này trên cơ sở nội dung phương án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được phương án sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt thực hiện các công việc sau:

a) Phối hợp với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam thực hiện đánh giá và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước Khu vực về tính khả thi của phương án sáp nhập, hợp nhất;

b) Có văn bản thông báo gửi quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân đại diện, quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt để hoàn thiện hồ sơ đề nghị chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Sau khi nhận được văn bản thông báo của Ban kiểm soát đặc biệt theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân đại diện gửi hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân đại diện xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quỹ tín dụng nhân dân hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có văn bản xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm cư trú về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị.

7. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, chấp thuận việc sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không phê duyệt, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt nêu rõ lý do.

Trường hợp phê duyệt phương án sáp nhập, hợp nhất, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản:

a) Chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân;

b) Chấp thuận danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân hình thành sau hợp nhất.

Chấp thuận danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có thay đổi).

8. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân đại diện gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại bao gồm:

a) Biên bản cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất về việc:

(i) Bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận;

(ii) Thông qua các nội dung khác theo quy định phải được các thành viên tham dự cuộc họp Đại hội thành viên đầu tiên biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;

b) Biên bản cuộc họp Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập về việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận (nếu có thay đổi);

c) Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất về việc bổ nhiệm Giám đốc theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận.

Quyết định của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập về việc bổ nhiệm Giám đốc theo danh sách nhân sự dự kiến được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận (nếu có thay đổi);

d) Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất đã được Đại hội thành viên thông qua;

đ) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất đã được cấp có thẩm quyền thông qua, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người điều hành.

9. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 8 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân đại diện xác nhận về việc đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Quỹ tín dụng nhân dân hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

10. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực:

a) Có văn bản chấp thuận sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2, Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cấp, sửa đổi, bổ sung Giấy phép cho quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập.

Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản nêu rõ lý do.

11. Trường hợp phương án sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt không được Ngân hàng Nhà nước Khu vực phê duyệt theo quy định tại khoản 7 Điều này hoặc hết thời hạn thực hiện phương án sáp nhập, hợp nhất mà quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt không thực hiện được phương án đó, bao gồm cả trường hợp quỹ tín dụng nhân dân không được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại khoản 10 Điều này, Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân đề xuất và xây dựng phương án giải thể hoặc phương án phá sản theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.

12. Việc công bố thông tin sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

13. Thời hạn quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều này có thể được Ngân hàng Nhà nước Khu vực gia hạn nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai lần thời hạn quy định tại các khoản này.

14. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Giấy phép hết hiệu lực theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất có trách nhiệm nộp lại Giấy phép đã hết hiệu lực cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

Chương III
THU HỒI GIẤY PHÉP, THANH LÝ TÀI SẢN CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 15. Các hành vi không được thực hiện trong quá trình thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân

Kể từ ngày Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thông qua đề nghị thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân giải thể tự nguyện hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân giải thể và thực hiện thanh lý tài sản hoặc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm, được kiểm soát đặc biệt tùy thời điểm nào đến trước, quỹ tín dụng nhân dân, người quản lý, người điều hành, người lao động của quỹ tín dụng nhân dân không được thực hiện các hành vi sau đây:

1. Cất giấu, tẩu tán tài sản của quỹ tín dụng nhân dân, hoàn trả vốn góp của thành viên.

2. Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ.

3. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm bằng tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

4. Cầm cố, thế chấp, tặng cho và cho thuê tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

5. Ký kết thỏa thuận, hợp đồng mới trừ các thỏa thuận, hợp đồng nhằm thực hiện chấm dứt tồn tại pháp nhân.

6. Chuyển tiền, tài sản của quỹ tín dụng nhân dân ra nước ngoài.

Điều 16. Nguyên tắc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân

1. Quỹ tín dụng nhân dân phải xác định khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trước và trong quá trình thanh lý tài sản, giải thể và thu hồi Giấy phép. Mọi khoản thu của quỹ tín dụng nhân dân phải được sử dụng để thanh toán cho các chủ nợ theo quy định tại Điều 28 Thông tư này.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực chỉ chấp thuận việc giải thể quỹ tín dụng nhân dân khi:

a) Quỹ tín dụng nhân dân có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án;

b) Quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.

3. Việc giải thể quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Quỹ tín dụng nhân dân phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước Khu vực. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của quỹ

tín dụng nhân dân giải thể, nếu phát hiện quỹ tín dụng nhân dân không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng theo quy định tại Mục 5 Chương X và Điều 203 Luật Các tổ chức tín dụng.

Mục 2
THU HỒI GIẤY PHÉP

Điều 17. Thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân giải thể tự nguyện

1. Hồ sơ đề nghị giải thể bao gồm:

a) Văn bản đề nghị giải thể quỹ tín dụng nhân dân, trong đó nêu rõ lý do đề nghị được giải thể, khả năng thanh toán hết nợ và các biện pháp xử lý sau khi giải thể;

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thông qua việc giải thể, phương án thanh lý tài sản;

c) Phương án thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Điều 27 Thông tư này;

d) Báo cáo tài chính của quỹ tín dụng nhân dân (bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân không phải kiểm toán độc lập hằng năm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng) quý gần nhất trước thời điểm đề nghị giải thể được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ.

2. Chấp thuận đề nghị giải thể:

a) Quỹ tín dụng nhân dân lập hồ sơ đề nghị giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân về việc xác nhận đã nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản lấy ý kiến:

(i) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính về việc giải thể, thu hồi Giấy phép; ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép đối với sự ổn định chính trị, kinh tế - xã hội trên địa bàn;

(ii) Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam về ảnh hưởng của việc giải thể, thu hồi Giấy phép;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Khu vực, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại điểm c khoản này có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị;

đ) Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

(i) Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản chứng minh được khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận giải thể, phê duyệt phương án thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân, yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân thành lập Hội đồng thanh lý và tiến hành thanh lý tài sản; có quyết định thành lập Tổ giám sát thanh lý theo quy định tại Điều 29 Thông tư này; hoặc

(ii) Trường hợp xét thấy phương án thanh lý tài sản không chứng minh được khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản từ chối chấp thuận giải thể, trong đó nêu rõ lý do; hoặc

(iii) Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân báo cáo, giải trình các nội dung có liên quan (nếu cần thiết);

e) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Khu vực theo quy định tại điểm đ(iii) khoản này, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực báo cáo, giải trình;

g) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản giải trình của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước Khu vực xem xét, xử lý theo quy định tại điểm đ(i), đ(ii) khoản này.

3. Thanh lý tài sản:

a) Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận giải thể, quỹ tín dụng nhân dân phải dừng các hoạt động kinh doanh được ghi trong Giấy phép;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận giải thể, quỹ tín dụng nhân dân phải thành lập Hội đồng thanh lý và tiến hành thanh lý tài sản theo phương án thanh lý tài sản đã được phê duyệt, tuân thủ quy định tại Mục 3 Chương III Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chấm dứt thanh lý, Hội đồng thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Tổ giám sát thanh lý, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính và Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Hội đồng thanh lý quy định tại điểm c khoản này, Tổ giám sát thanh lý có văn bản báo cáo kết quả thanh lý và đề nghị chấm dứt thanh lý (bao gồm cả đề nghị chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật) gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực;

đ) Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân, nếu phát hiện quỹ tín dụng nhân dân không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, Tổ giám sát thanh lý có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Khu vực kết quả thanh lý, đề nghị cho chấm dứt thanh lý và yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật.

4. Thu hồi Giấy phép:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ giám sát thanh lý theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực xem xét, có quyết định:

(i) Chấm dứt thanh lý và thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân; hoặc

(ii) Chấm dứt thanh lý quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện các thủ tục phá sản và thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân có hiệu lực thi hành, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thu hồi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân kèm theo quyết định thu hồi Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Điều 18. Thu hồi Giấy phép trong trường hợp giải thể quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt

1. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt xây dựng phương án giải thể theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Các tổ chức tín dụng

và được đánh giá là có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ban kiểm soát đặc biệt có văn bản đề nghị chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

2. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt giải thể theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 187 Luật Các tổ chức tín dụng, Ban kiểm soát đặc biệt yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt phối hợp với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ xây dựng phương án thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư này và có văn bản đề nghị chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân kèm theo phương án thanh lý tài sản gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực đề nghị chấp thuận giải thể.

Phương án thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt phải có ý kiến của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam trước khi gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực:

a) Có văn bản chấp thuận giải thể và yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân tiến hành thanh lý tài sản;

b) Có quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý theo quy định tại Điều 25, Điều 29 Thông tư này.

4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấp thuận biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt (trường hợp biện pháp hỗ trợ vượt thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước Khu vực).

5. Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực:

a) Có văn bản chấp thuận giải thể, phê duyệt phương án thanh lý tài sản, yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt tiến hành thanh lý tài sản;

b) Có quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý theo quy định tại Điều 25, Điều 29 Thông tư này.

6. Việc tiến hành thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 3 Điều 17; Mục 3 Chương III Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Việc thu hồi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

Điều 19. Thu hồi Giấy phép trong trường hợp giải thể quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ

1. Quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm phối hợp với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ xây dựng phương án thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư này và có văn bản đề nghị chấp thuận giải thể kèm theo phương án thanh lý tài sản gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực đề nghị chấp thuận giải thể.

2. Trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Khu vực:

a) Có văn bản chấp thuận giải thể, phê duyệt phương án thanh lý tài sản;

b) Có quyết định thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý theo quy định tại Điều 25, Điều 29 Thông tư này.

3. Việc thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm thực hiện theo quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 3 Điều 17; Mục 3 Chương III Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Việc thu hồi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

Điều 20. Thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng

1. Căn cứ kết luận thanh tra, báo cáo kết quả giám sát, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 36 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc trường hợp quỹ tín dụng nhân dân không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước Khu vực chấp thuận bằng văn bản khi hết

thời hạn hoạt động, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân giải thể và thực hiện thanh lý tài sản; thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý.

2. Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân giải thể, quỹ tín dụng nhân dân phải dừng các hoạt động kinh doanh được ghi trong Giấy phép.

Việc thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 3 Điều 17; Mục 3 Chương III Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Việc thu hồi Giấy phép thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

Điều 21. Thu hồi Giấy phép trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại, phá sản

1. Trình tự thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân bị phá sản, Ngân hàng Nhà nước Khu vực ra quyết định thu hồi Giấy phép sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.

Điều 22. Công bố thông tin về thu hồi Giấy phép và thực hiện thủ tục chấm dứt tồn tại pháp nhân

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Thông tư này, văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân giải thể và thực hiện thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 20 Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Quỹ tín dụng nhân dân phải niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính; trụ sở chính, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân trong 07 ngày làm việc các thông tin sau đây:

(i) Số, ngày văn bản của Ngân hàng Nhà nước Khu vực về việc chấp thuận giải thể, yêu cầu giải thể và thực hiện thanh lý tài sản;

(ii) Tên, địa chỉ trụ sở chính;

(iii) Số, ngày Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (nếu có);

(iv) Vốn điều lệ;

(v) Người đại diện theo pháp luật;

b) Ngân hàng Nhà nước Khu vực đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận giải thể hoặc yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân giải thể theo nội dung quy định tại điểm a khoản này.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực:

a) Quỹ tín dụng nhân dân phải niêm yết quyết định thu hồi Giấy phép tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính; trụ sở chính, phòng giao dịch của quỹ tín dụng nhân dân;

b) Ngân hàng Nhà nước Khu vực đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước việc thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân và gửi quyết định thu hồi Giấy phép đến Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Hiệp hội Quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam.

3. Trường hợp thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân bị chia, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất, việc công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật về thuế, bảo hiểm xã hội và quy định khác của pháp luật liên quan để chấm dứt tồn tại pháp nhân.

Mục 3
THANH LÝ TÀI SẢN CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Điều 23. Thời hạn thanh lý

1. Thời hạn thanh lý là 12 tháng kể từ ngày văn bản chấp thuận giải thể hoặc văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân giải thể và thực hiện thanh lý tài sản của Ngân hàng Nhà nước Khu vực có hiệu lực. Thời hạn thanh lý có thể được gia hạn tối đa 03 lần, mỗi lần gia hạn không quá 12 tháng.

2. Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý, trước ngày chấm dứt thời hạn thanh lý 30 ngày, Hội đồng thanh lý phải có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn

thanh lý gửi Ngân hàng Nhà nước Khu vực, trong đó đánh giá khả năng thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và thời gian gia hạn thanh lý.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn thanh lý của Hội đồng thanh lý, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị gia hạn thời hạn thanh lý.

Điều 24. Chấm dứt thanh lý

1. Quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Quỹ tín dụng nhân dân đã thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Thông tư này;

b) Quỹ tín dụng nhân dân không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác theo quy định tại khoản 2 Điều 204 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Trường hợp hết thời hạn thanh lý, quỹ tín dụng nhân dân đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Thông tư này, trừ khoản tiền gửi của người gửi tiền chưa đến nhận và quỹ tín dụng nhân dân có đủ tiền để thanh toán cho các khoản tiền gửi này, Hội đồng thanh lý phải chuyển giao số tiền thanh toán cho các khoản tiền gửi chưa chi trả, danh sách người gửi tiền chưa chi trả cho Ngân hàng Nhà nước Khu vực để quản lý, chi trả cho người gửi tiền và chấm dứt thanh lý.

Điều 25. Hội đồng thanh lý

1. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân giải thể theo quy định tại Điều 17 Thông tư này, Hội đồng thanh lý bao gồm thành phần theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này do Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân.

2. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân giải thể theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20 Thông tư này, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực quyết định thành phần Hội đồng thanh lý như sau:

a) Thành phần theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này trên cơ sở đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân; hoặc

b) Thành phần khác do Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực quyết định trong trường hợp quỹ tín dụng nhân dân không đề nghị thành phần theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Thành phần Hội đồng thanh lý quỹ tín dụng nhân dân bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng và tất cả các thành viên của quỹ tín dụng nhân dân có vốn góp từ 5% vốn điều lệ trở lên và 05 khách hàng có số dư tiền gửi lớn nhất tại quỹ tín dụng nhân dân (trong trường hợp các khách hàng này đồng ý tham gia Hội đồng thanh lý) tại thời điểm đề nghị giải thể hoặc thời điểm Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân giải thể và thực hiện thanh lý tài sản.

Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân giải thể theo quy định tại khoản 2 Điều 18, Điều 19 Thông tư này, thành phần Hội đồng thanh lý bao gồm cả đại diện của tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ của quỹ tín dụng nhân dân.

Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại hội thành viên của quỹ tín dụng nhân dân lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị thay thế tham gia Hội đồng thanh lý; trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, Đại hội thành viên của quỹ tín dụng nhân dân lựa chọn người thay thế tham gia Hội đồng thanh lý cho đến khi các chức danh này được bổ sung.

Khi quỹ tín dụng nhân dân có Chủ tịch Hội đồng quản trị mới, Trưởng Ban kiểm soát mới, Giám đốc mới, Kế toán trưởng mới thì những người này sẽ tham gia Hội đồng thanh lý thay cho những người đã tham gia Hội đồng thanh lý khi các chức danh nêu trên bị khuyết.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân là Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Tại thời điểm thành lập và trong quá trình hoạt động của Hội đồng thanh lý, trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng quản trị, người được Đại hội thành viên của quỹ tín dụng nhân dân lựa chọn tham gia Hội đồng thanh lý thay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều này đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân có Chủ tịch Hội đồng quản trị mới thì Chủ tịch Hội đồng quản trị mới làm Chủ tịch Hội đồng thanh lý thay cho người đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng thanh lý quy định tại khoản này.

Điều 26. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thanh lý

1. Hội đồng thanh lý được sử dụng con dấu của quỹ tín dụng nhân dân trong quá trình thanh lý quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thanh lý có trách nhiệm:

a) Rà soát toàn bộ các khoản mục của tài sản có và tài sản nợ, các khoản mục ngoại bảng của Báo cáo tình hình tài chính của quỹ tín dụng nhân dân, lập danh sách và số tiền của các chủ nợ, khách nợ đến thời điểm thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân và danh mục tài sản của quỹ tín dụng nhân dân để xử lý;

b) Thực hiện thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan, tìm mọi biện pháp để thu hồi nợ và các tài sản của quỹ tín dụng nhân dân (trừ trường hợp thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ);

c) Định kỳ ngày 10 hằng tháng hoặc khi cần thiết, báo cáo Tổ giám sát thanh lý về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản và chi trả cho các chủ nợ của quỹ tín dụng nhân dân.

3. Chi phí hoạt động của Hội đồng thanh lý do quỹ tín dụng nhân dân chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.

4. Hội đồng thanh lý kết thúc nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt thanh lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Thông tư này, Hội đồng thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt tồn tại pháp nhân theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt thanh lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Thông tư này, Hội đồng thanh lý kết thúc nhiệm vụ theo quy định như sau:

(i) Đối với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, Hội đồng thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có quyết định chấm dứt thanh lý đối với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt đó;

(ii) Đối với quỹ tín dụng nhân dân chưa thuộc diện kiểm soát đặc biệt, Hội đồng thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt để kiểm soát hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

5. Hội đồng thanh lý kết thúc nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ trong quá trình thực hiện thanh lý cho Ban kiểm soát đặc biệt.

Điều 27. Phương án thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân

1. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân thực hiện giải thể theo quy định tại Điều 17 Thông tư này, phương án thanh lý tài sản phải được Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân thông qua và bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử (nếu có) của quỹ tín dụng nhân dân;

b) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;

c) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của từng thành viên);

d) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực của vốn điều lệ, nợ xấu, tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) đến thời điểm đề nghị giải thể, trong đó xác định rõ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, thời hạn thanh toán nợ và thanh lý các hợp đồng;

đ) Danh sách thành viên góp vốn và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên;

e) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý, phương án phân chia tài sản;

g) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép.

2. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân thực hiện giải thể theo quy định tại khoản 2 Điều 18, Điều 19 Thông tư này, phương án thanh lý tài sản phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định của tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ và Đại hội thành viên (đối với trường hợp được can thiệp sớm), Hội đồng quản trị (đối với trường hợp được kiểm soát đặc biệt) quỹ tín dụng nhân dân thực hiện giải thể thông qua, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử (nếu có) của quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm, được kiểm soát đặc biệt;

b) Tên, địa chỉ, trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

c) Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm, được kiểm soát đặc biệt.

Tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

d) Danh sách thành viên Hội đồng thanh lý (bao gồm tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của từng thành viên);

đ) Tóm tắt tình hình tài chính và hoạt động (giá trị thực của vốn điều lệ, nợ xấu, tình hình công nợ, các khoản phải thu, phải trả bao gồm nội bảng và ngoại bảng) của quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm, được kiểm soát đặc biệt đến thời điểm đề nghị tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

e) Kế hoạch, lộ trình, cách thức chuyển giao nghĩa vụ nợ giữa quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm và tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng được can thiệp sớm và tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của bên thứ ba liên quan đến việc chuyển giao;

g) Kế hoạch mua một phần hoặc toàn bộ tài sản, đồng thời nhận chuyển giao toàn bộ nghĩa vụ nợ của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt; lộ trình, cách thức mua tài sản, chuyển giao nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ; quyền, nghĩa vụ của bên thứ ba liên quan đến việc chuyển giao nghĩa vụ nợ;

h) Danh sách thành viên góp vốn và tỷ lệ góp vốn của từng thành viên quỹ tín dụng nhân dân được can thiệp sớm, được kiểm soát đặc biệt;

i) Kế hoạch, biện pháp xử lý quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nêu rõ lộ trình thanh lý tài sản, phương án phân chia tài sản;

k) Biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ;

l) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, giải thể, thu hồi Giấy phép.

Điều 28. Xử lý khoản nợ có bảo đảm, thứ tự phân chia tài sản

1. Việc xử lý khoản nợ có bảo đảm của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Việc phân chia giá trị tài sản của quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản vay đặc biệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Các khoản lệ phí, chi phí thực hiện thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

d) Các khoản chi trả cho người gửi tiền;

đ) Các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước;

e) Các khoản nợ vay từ quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân;

g) Các khoản nợ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quỹ tín dụng nhân dân không được chia cho thành viên vốn và tài sản chung do Nhà nước trợ cấp (vốn do Nhà nước trợ cấp, công trình công cộng, kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho cộng đồng dân cư) mà phải chuyển giao cho chính quyền địa phương quản lý. Đối với đất do Nhà nước giao cho quỹ tín dụng nhân dân sử dụng được xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Trường hợp giá trị tài sản của quỹ tín dụng nhân dân sau khi đã thanh toán đủ các khoản theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này mà vẫn còn thì phần giá trị tài sản còn lại được chia cho các thành viên góp vốn theo tỷ lệ góp vốn tại thời điểm thực hiện việc phân chia tài sản.

Mục 4
GIÁM SÁT THANH LÝ TÀI SẢN CỦA QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Điều 29. Tổ giám sát thanh lý

1. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực quyết định việc thành lập Tổ giám sát thanh lý để giám sát việc thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, chỉ định Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng và các thành viên Tổ Giám sát thanh lý.

2. Tổ giám sát thanh lý có tối thiểu 03 thành viên bao gồm đại diện Ngân hàng Nhà nước Khu vực, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (trong trường hợp Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam cho quỹ tín dụng nhân dân vay đặc biệt).

3. Thành viên Tổ giám sát thanh lý không phải là một trong những người sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, thành viên của quỹ tín dụng nhân dân bị thanh lý, thành viên Hội đồng thanh lý của quỹ tín dụng nhân dân bị thanh lý;

b) Người có liên quan của các thành viên quy định tại điểm a khoản này.

Điều 30. Cơ chế hoạt động của Tổ giám sát thanh lý

1. Các thành viên Tổ giám sát thanh lý làm việc theo cơ chế kiêm nhiệm.

2. Tổ giám sát thanh lý chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân bị thu hồi Giấy phép đặt trụ sở chính và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi nhiệm vụ của mình.

3. Tổ giám sát thanh lý sử dụng con dấu của Ngân hàng Nhà nước Khu vực trong các văn bản. Báo cáo của Tổ giám sát thanh lý do Tổ trưởng ký.

4. Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý và các thành viên chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực về việc thực thi nhiệm vụ của mình.

5. Phiên họp của Tổ giám sát thanh lý chỉ được tiến hành khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 tổng số thành viên. Các quyết định của Tổ giám sát thanh lý chỉ được thông qua khi có sự đồng ý của đa số thành viên có mặt tại cuộc họp. Trường hợp có số phiếu biểu quyết hợp lệ ngang nhau thì quyền quyết định thuộc về Tổ trưởng Tổ giám sát thanh lý.

6. Chi phí liên quan đến hoạt động của Tổ giám sát thanh lý do quỹ tín dụng nhân dân chi trả. Việc hạch toán chi phí phải tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.

7. Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt thanh lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Thông tư này, Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt tồn tại pháp nhân theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt thanh lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 Thông tư này, Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ theo quy định như sau:

(i) Đối với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có quyết định chấm dứt thanh lý đối với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt đó;

(ii) Đối với quỹ tín dụng nhân dân chưa thuộc diện kiểm soát đặc biệt, Tổ giám sát thanh lý kết thúc nhiệm vụ khi Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có quyết định thành lập Ban kiểm soát đặc biệt để kiểm soát hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ giám sát thanh lý

1. Chỉ đạo, giám sát quỹ tín dụng nhân dân kiểm kê toàn bộ công nợ, các khoản phải thu, phải trả; yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân mời các chủ nợ, khách nợ đến đối chiếu để xác định khả năng thanh toán và nguồn trả nợ.

2. Yêu cầu Hội đồng thanh lý báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin về thực trạng tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong quá trình thanh lý tài sản, thực hiện việc chi trả cho các chủ nợ theo đúng thứ tự ưu tiên theo quy định tại Thông tư này.

3. Giám sát toàn bộ quá trình thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

4. Định kỳ ngày 15 hằng tháng hoặc đột xuất, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Khu vực về tình hình thanh lý tài sản, phân chia tài sản của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp cần thiết, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản đề nghị các cơ quan liên quan hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân thu hồi các khoản phải thu, xử lý các khách hàng cố tình làm thất thoát tài sản của quỹ tín dụng nhân dân.

5. Đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực có quyết định đình chỉ hoạt động của thành viên Hội đồng thanh lý cố ý vi phạm pháp luật hoặc không thực hiện theo phương án thanh lý hoặc có hành vi tẩu tán tài sản, từ chối trách nhiệm, nghĩa vụ; trường hợp nghiêm trọng đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cá nhân sai phạm (nếu có).

6. Kiến nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực xử lý những vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.

7. Báo cáo Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực ra quyết định chấm dứt thanh lý và yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 17 Thông tư này.

8. Trường hợp chấm dứt thanh lý để thực hiện các thủ tục phá sản, Tổ giám sát thanh lý có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ trong quá trình giám sát thanh lý cho Ban kiểm soát đặc biệt.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 32. Trách nhiệm của quỹ tín dụng nhân dân

1. Trách nhiệm về tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân:

a) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và phải bảo đảm an toàn tuyệt đối về tài sản của quỹ tín dụng nhân dân đến khi hoàn thành tổ chức lại theo phương án tổ chức lại được Ngân hàng Nhà nước Khu vực phê duyệt;

b) Sau khi Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại chủ động chuẩn bị cho công tác bàn giao và phải bàn giao ngay toàn bộ quyền lợi, nghĩa vụ và các vấn đề có liên quan khi Ngân hàng Nhà nước Khu vực có quyết định chấp thuận tổ chức lại.

Hợp đồng sáp nhập, hợp nhất phải được các quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập, quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân;

c) Sau khi tổ chức lại, nếu phát hiện có những vấn đề ngoài sổ sách hoặc không được bàn giao, Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

2. Trách nhiệm về việc giải thể, thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ đề nghị thu hồi Giấy phép;

b) Cung cấp đầy đủ, trung thực toàn bộ thực trạng về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân phục vụ cho việc thanh lý tài sản;

c) Thực hiện chế độ báo cáo và các quy định khác liên quan việc giải thể, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân theo đúng quy định tại Thông tư này.

Điều 33. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Khu vực

1. Trách nhiệm về việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân:

a) Đầu mối tiếp nhận và phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;

b) Chấp thuận hoặc không chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại đối với quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn;

c) Chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức lại đối với quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn; chấp thuận danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân sau khi tổ chức lại; sửa đổi, bổ sung Giấy phép và chấp thuận các nội dung thay đổi của quỹ tín dụng nhân dân bị tách, quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập (nếu có); cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân hình thành mới;

d) Thanh tra, kiểm tra các quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện tổ chức lại theo đúng các quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Quyết định việc sửa đổi, bổ sung phương án sáp nhập, hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả việc gia hạn thời hạn thực hiện theo đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt.

2. Trách nhiệm về việc thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân:

a) Quyết định thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, công bố Quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại Thông tư này;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến việc thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý;

c) Tiếp nhận báo cáo của Tổ giám sát thanh lý về tình hình hoạt động và diễn biến quá trình thanh lý tài sản quỹ tín dụng nhân dân. Trong trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước Khu vực có văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân thu hồi các khoản phải thu, xử lý các khách hàng cố tình làm thất thoát tài sản của quỹ tín dụng nhân dân, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng trên địa bàn đảm bảo an ninh trật tự khi có vấn đề phát sinh;

d) Xem xét đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân vi phạm quy định tại Thông tư này, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết theo quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng;

đ) Xem xét, quyết định đình chỉ thành viên Hội đồng thanh lý của quỹ tín dụng nhân dân trên cơ sở đề nghị của Tổ giám sát thanh lý. Trường hợp nghiêm trọng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Khu vực trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các cá nhân sai phạm;

e) Quyết định chấm dứt thanh lý quỹ tín dụng nhân dân, yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật về phá sản;

g) Xử lý kiến nghị liên quan đến quá trình thanh lý tài sản, thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân ngoài thẩm quyền của Tổ giám sát thanh lý. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền.

3. Trách nhiệm về việc báo cáo Ngân hàng Nhà nước:

a) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận nguyên tắc, quyết định chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản chấp thuận nguyên tắc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, quyết định chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân;

b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân, quyết định chấm dứt thanh lý và thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân (bao gồm cả trường hợp chấm dứt thanh lý quỹ tín dụng nhân dân để thực hiện các thủ tục phá sản), gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản chấp thuận giải thể quỹ tín dụng nhân dân, quyết định chấm dứt thanh lý và thu hồi Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân;

c) Định kỳ hằng quý, chậm nhất vào ngày 15 của tháng tiếp theo tháng cuối quý, báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình hình chấp thuận tổ chức lại, thu hồi Giấy phép, thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn (nếu có phát sinh).

Điều 34. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có trách nhiệm:

a) Đầu mối tham mưu, xử lý các nội dung liên quan đến các biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Thông tư này;

b) Tiếp nhận báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Khu vực về tình hình chấp thuận tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư này.

2. Các đơn vị khác có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ theo đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân đã được chấp thuận giải thể, quỹ tín dụng nhân dân đã có quyết định thu hồi Giấy phép và đang thực hiện thanh lý tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc giải thể, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm được chấp thuận giải thể, có quyết định thu hồi Giấy phép. Việc gia hạn thời hạn thanh lý, chấm dứt thời hạn thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện theo quy định tại Thông tư này, số lần gia hạn thời hạn thanh lý được tính từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2025.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

b) Điều 3 Thông tư số 13/2019/TT-NHNN ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có

liên quan đến việc cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Điều 6 Thông tư số 24/2023/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến việc nộp, xuất trình, cung cấp thông tin, giấy tờ về dân cư khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

Điều 37. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

PHỤ LỤC SỐ 01
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN
TỔ CHỨC LẠI QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN

Kính gửi:

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số...../20.../TT-NHNN ngày..... tháng..... năm 20...của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội thành viên các quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại;

.....(*) đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực..... xem xét và chấp thuận nội dung sau:

A. Nội dung đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân

☐ Chia ☐ Tách ☐ Sáp nhập ☐ Hợp nhất

B. Các quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại

I. Quỹ tín dụng nhân dân A

1. Số Giấy phép thành lập và hoạt động, ngày cấp Giấy phép.

2. Địa chỉ đặt trụ sở chính.

3. Vốn điều lệ (tính đến thời điểm gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân).

4. Năm thành lập.

5. Nội dung hoạt động.

6. Đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân (họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân).

7. Vai trò của quỹ tín dụng nhân dân trong việc tổ chức lại (bị chia/bị tách/nhận sáp nhập/sáp nhập/tham gia hợp nhất).

II. Quỹ tín dụng nhân dân B (nếu có):

(Nội dung tương tự như điểm I mục B Đơn này).

C. Quỹ tín dụng nhân dân hình thành sau tổ chức lại

I. Quỹ tín dụng nhân dân C:

1. Tên quỹ tín dụng nhân dân.

2. Địa chỉ dự kiến đặt trụ sở chính.

3. Vốn điều lệ dự kiến.

4. Nội dung hoạt động dự kiến.

II. Quỹ tín dụng nhân dân D (nếu có):

(Nội dung tương tự như điểm I mục C Đơn này).

D. Lý do tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân

Đ. Hồ sơ kèm theo

1. .....

2. .....

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận chia, tách, sáp nhập, hợp nhất.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước.

....., ngày..... tháng..... năm....

TM. HỘI ĐỒNG TỔ CHỨC LẠI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỔ CHỨC LẠI

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Tên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện tổ chức lại.

PHỤ LỤC SỐ 02
MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN SÁP NHẬP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	*Hà Nội, ngày tháng năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sáp nhập.....(1)
vào.....(2)

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC.....

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày....tháng...năm....của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

Xét đề nghị chấp thuận sáp nhập.....(1) vào.....(2) của Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại tại Đơn đề nghị chấp thuận tổ chức lại ngày...tháng...năm....và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của.....(3),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc sáp nhập.....(1) vào.....(2).

Điều 2. Giấy phép thành lập và hoạt động của.....(1) số...../GP-..... ngày.... tháng... năm.... do Ngân hàng Nhà nước cấp cho.....(1) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. .....(2) có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của.....(1).

2. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. .....(1) có trách nhiệm:

1. Bàn giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho.....(2).

2. Hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của.....(1) số...../GP-..... ngày....tháng...năm....do Ngân hàng Nhà nước cấp cho.....(1) theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện công bố thông tin chấm dứt tồn tại pháp nhân và việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày....tháng...năm.....

Điều 6. .....(4) nơi.....(1),..... (2) đặt trụ sở chính,.....(1) và.....(2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- UBND tỉnh, thành phố nơi...(1),(2) đặt trụ sở chính;
- Lưu:.

GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

(1): Tên quỹ tín dụng nhân dân bị sáp nhập.

(2): Tên quỹ tín dụng nhân dân nhận sáp nhập.

(3): Chức vụ của người đứng đầu bộ phận xử lý tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại Khu vực.

(4): Chức vụ của những người có liên quan đến việc thực hiện quyết định tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại Khu vực.

PHỤ LỤC SỐ 03
MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN HỢP NHẤT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	*Hà Nội, ngày tháng năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hợp nhất.....(1)

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC.....

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

Xét đề nghị chấp thuận hợp nhất.....(1) của Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại tại Đơn đề nghị chấp thuận tổ chức lại ngày....tháng...năm....và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của.....(2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc hợp nhất.....(1) thành.....(3).

Điều 2. Giấy phép thành lập và hoạt động của.....(1)số...../GP-.... ngày... tháng.... năm.... do Ngân hàng Nhà nước cấp cho.....(1) hết hiệu lực khi.....(3) khai trương hoạt động.

Điều 3. .....(3) có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của.....(1).

2. Thực hiện công bố thông tin và tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. ..... (1) có trách nhiệm:

1. Bàn giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho.....(3).

2. Hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của.....(1) số...../GP-..... ngày.... tháng... năm.... do Ngân hàng Nhà nước cấp cho.....(1) theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện công bố thông tin chấm dứt tồn tại pháp nhân và việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày....tháng...năm.....

Điều 6. .....(4) nơi.....(1),..... (3) đặt trụ sở chính,.....(1),.....(3) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- UBND tỉnh, thành phố nơi...(1),(3) đặt trụ sở chính;
- Lưu:.

GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

(1): Tên quỹ tín dụng nhân dân tham gia hợp nhất.

(2): Chức vụ của người đứng đầu bộ phận xử lý tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

(3): Tên quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện hợp nhất quỹ tín dụng nhân dân.

(4): Chức vụ của những người có liên quan đến việc thực hiện quyết định tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

PHỤ LỤC SỐ 04
MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHIA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	*Hà Nội, ngày tháng năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chia.....(1)

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC.....

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

Xét đề nghị chấp thuận chia.....(1) của Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại tại Đơn đề nghị chấp thuận tổ chức lại ngày.... tháng... năm.... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của.....(2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc chia.....(1) thành.....(3).

Điều 2. Giấy phép thành lập và hoạt động của.....(1) số...../GP-... ngày.... tháng... năm.... do Ngân hàng Nhà nước cấp cho.....(1) hết hiệu lực khi quỹ tín dụng nhân dân.....(3) khai trương hoạt động.

Điều 3. .....(3) có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của.....(1) theo Phương án tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân.

2. Thực hiện công bố thông tin và tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. ..... (1) có trách nhiệm:

1. Bàn giao toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho.....(3) theo Phương án tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân.

2. Hoàn trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động của.....(1) số...../GP-..... ngày tháng năm do Ngân hàng Nhà nước cấp cho.....(1) theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện công bố thông tin chấm dứt tồn tại pháp nhân và việc giải quyết các quyền và nghĩa vụ có liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.... tháng... năm....

Điều 6. .....(4) nơi.....(1),.....(3) đặt trụ sở chính,.....(1),.....(3) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- UBND tỉnh, thành phố nơi...(1),(3) đặt trụ sở chính;
- Lưu:.

GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

(1): Tên quỹ tín dụng nhân dân bị chia.

(2): Chức vụ của người đứng đầu bộ phận xử lý tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

(3): Tên quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện chia quỹ tín dụng nhân dân.

(4): Chức vụ của những người có liên quan đến việc thực hiện quyết định tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

PHỤ LỤC SỐ 05
MẪU QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN TÁCH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-NHNN ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-.....	*Hà Nội, ngày tháng năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tách.....(1)

GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH KHU VỰC.....

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số / /TT-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức lại, thu hồi Giấy phép và thanh lý tài sản của quỹ tín dụng nhân dân;

Xét đề nghị chấp thuận tách.....(1) của Chủ tịch Hội đồng tổ chức lại tại Đơn đề nghị chấp thuận tổ chức lại ngày.... tháng... năm.... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của.....(2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận việc tách.....(1) thành.....(1),.....(3)

Điều 2. .....(3) có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của.....(1) theo Phương án tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân.

2. Thực hiện công bố thông tin và tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. ..... (1) có trách nhiệm:

1. Bàn giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cho.....(3) theo Phương án tổ chức lại quỹ tín dụng nhân dân.

2. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày.... tháng... năm....

Điều 5. .....(4) nơi.....(1),.....(3) đặt trụ sở chính,.....(1),.....(3) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- UBND tỉnh, thành phố nơi...(1),(3) đặt trụ sở chính;
- Lưu:.

GIÁM ĐỐC

Ghi chú:

(1): Tên quỹ tín dụng nhân dân bị tách.

(2): Chức vụ của người đứng đầu bộ phận xử lý tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

(3): Tên quỹ tín dụng nhân dân được thành lập mới sau khi thực hiện tách quỹ tín dụng nhân dân.

(4): Chức vụ của những người có liên quan đến việc thực hiện quyết định tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.